

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-6-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Văn

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST–HNGĐ ngày 19/4/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị N** – sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 03, xã Đ, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. *Bị đơn:* anh **Chương Văn Y** – sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn 03, xã Đ, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Chương Văn Y kết hôn vào ngày 22/8/2019 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mỗi người làm ở một nơi, dẫn đến bất đồng quan điểm không thông cảm cho nhau, thường xuyên cãi chửi nhau. Nay xác định tình cảm không còn, chị Nam yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh Y có 01 con chung Chương Thanh T, sinh ngày 25/7/2019. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Y cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn Chương Văn Y nhất trí với nội dung mà chị Nam trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống thực tế có mâu thuẫn từ năm 2021 do bất đồng quan điểm sống. Nay chị Nam yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý.

Về con chung: anh và chị N có 01 con chung Chương Thanh T, sinh ngày 25/7/2019. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

Về tài sản và công nợ chung: anh Yên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, chị N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị N và anh Chương Văn Y kết hôn vào ngày 22/8/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự thể hiện quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do đi làm mỗi người một nơi dẫn đến bất đồng quan điểm, không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Tại lời khai, chị N và anh Y đều xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Y đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị N và anh Y có 01 con chung Chương Thanh T, sinh ngày 25/7/2019. Tại lời khai các đương sự đều có nguyện vọng, nếu ly hôn chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con chung cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Chương Văn Y.

2. *Về con chung*: giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Chương Thanh T, sinh ngày 25/7/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Chương Văn Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0002307 ngày 19/4/2022

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chi đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Ninh